

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Trương Thị Thìn

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Ngọc H**, sinh năm 1994.

- Bị đơn: Anh **Lê Đức T**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: 426, tổ 9, khu 3, ấp 1 (nay là khu phố 1) phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Ngọc H trình bày:

Chị và anh Lê Đức T kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Nhiều lần, anh chị đã nói chuyện với nhau để cùng tìm cách giải quyết nhưng

không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, chị xin được ly hôn với anh Tài.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Võ Bảo K, sinh ngày 09/12/2015. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 01 tháng 3 năm 2021 bị đơn anh Lê Đức T trình bày: hôn nhân giữa anh với chị H là tự nguyện và hợp pháp. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù anh đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con nhưng không có kết quả. Do không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 12/2019 đến nay, chị H đã tự ý mang con về nhà cha mẹ đẻ Hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn thì anh không có ý kiến, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Võ Bảo K, sinh ngày 09/12/2015. Nếu ly hôn chị H không nuôi được con thì anh sẽ nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Ngọc H và bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc Hậu, giao con chung là cháu Lê Võ Bảo K, sinh ngày 09/12/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Ngọc H xin ly hôn anh Lê Đức T, anh Tài là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại 426, tổ 9, khu 3, ấp 1 (nay là khu phố 1), phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn chị Võ Ngọc H và bị đơn anh Lê Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự. Cả chị H và anh T đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường An Hòa thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 125 ngày 03/9/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Về tình cảm, chị H xin ly hôn với anh T với lý do mâu thuẫn hiện đã rất trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Bị đơn anh Lê Đức T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Nay chị H xin ly hôn thì anh không có ý kiến, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/3/2021, bà Nguyễn Thu T sinh năm 1957 cùng cư trú với nguyên đơn và bị đơn tại địa chỉ 426, tổ 9, khu 3, ấp 1 (nay là khu phố 1), phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai là mẹ đẻ của anh Lê Đức T cho biết: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị H là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã lẫn nhau. Từ tháng 12/2020 chị H cùng con trai chuyển về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh T cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T hiện đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm và tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng đã ly thân thời gian dài từ tháng 12 năm 2019 đến nay, đã được gia đình hai bên nhắc nhở, khuyên can nhưng không có kết quả, không có khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Chị H xin ly hôn, anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn đúng như chị H khai và không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh tài để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung là cháu Lê Võ Bảo K, sinh ngày 09/12/2015, hiện cháu K đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả

năng lao động. Tại Bản tự khai ngày 01/3/2021, anh T có ý kiến nếu ly hôn chị H không nuôi được con thì anh sẽ nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng, như vậy anh T không tranh chấp về nuôi con với chị H, do đó chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc H, xử cho chị Võ Ngọc H được ly hôn anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Võ Bảo K, sinh ngày 09/12/2015 cho chị Võ Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007960 ngày 31/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Ngọc H, anh Lê Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

Nơi nhận :

THÂM

-TAND T. Đồng Nai.

phiên tòa

-VKSND H. Long Thành.

-THA H. Long Thành.

-Các đương sự.

-UBND xã Phước Thái, H. Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai.

-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán –Chủ tọa

Nguyễn Thị Kim Liên

